

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2016

Kỳ kế toán: từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 03 năm 2016.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **419.080.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Tổng công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Quý 1 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Lương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

đảm an toàn tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý I/2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,303,817,034,540	1,434,680,334,146
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		142,247,829,847	164,088,117,502
1. Tiền	111	V.01	141,247,829,847	120,062,083,943
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	44,026,033,559
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		962,358,427,350	1,060,958,435,470
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	992,694,631,227	1,103,608,018,747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46,374,718,440	20,028,102,351
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		194,920,833	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04.2	52,871,347,977	67,099,505,499
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(129,777,191,127)	(129,777,191,127)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		172,299,855,890	186,500,994,716
1. Hàng tồn kho	141	V.04	172,299,855,890	186,500,994,716
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26,910,921,453	23,132,786,458
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	1,382,526,083	583,450,489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,926,371,954	22,394,499,969
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	602,023,416	154,836,000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		5,000,000,000	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
 72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262,163,799,920	263,770,620,416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	-
II. Tài sản cố định	220		23,423,373,911	25,871,449,183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	23,423,373,911	25,871,449,183
- Nguyên giá	222		109,077,503,853	117,507,759,679
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(85,654,129,942)	(91,636,310,496)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08b	1,882,581,224	1,882,581,524
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,882,581,224	1,882,581,524
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		233,290,433,003	233,290,433,003
1. Đầu tư vào công ty con	251		38,489,614,932	38,489,614,932
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		192,858,298,448	192,858,298,448
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,402,536,899	26,402,536,899
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(24,460,017,276)	(24,460,017,276)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,567,411,782	2,726,156,706
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	3,567,411,782	2,726,156,706
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,565,980,834,460	1,698,450,954,562

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,014,011,166,001	1,158,235,628,738
I. Nợ ngắn hạn	310		856,553,175,266	1,015,288,354,693
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	437,271,511,399	500,272,595,083
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		212,608,976,339	229,920,458,426
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18,736,508,632	27,238,397,777
4. Phải trả người lao động	314		7,077,497,535	17,052,700,950
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	8,552,558,350	9,003,435,850
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		8,834,247	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	43,101,666,314	49,699,291,324
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		127,236,945,609	180,074,798,442
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,958,676,841	2,026,676,841
13. Quỹ Bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		157,457,990,735	142,947,274,045
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn về vốn kinh doanh	334	V.19	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	154,901,459,787	142,947,274,045
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2,556,530,948	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		551,969,668,459	540,215,325,824
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	551,969,668,459	540,215,325,824
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		419,080,000,000	419,080,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419,080,000,000	419,080,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52,625,676,545	52,625,676,545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543,000,000)	(543,000,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,340,893,154	10,340,893,154
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70,466,098,760	58,711,756,125
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		58,711,756,125	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11,754,342,635	58,711,756,125
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,565,980,834,460	1,698,450,954,562

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1/2016 - Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý I năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	398,158,311,871	2,155,694,209,255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	398,158,311,871	2,155,694,209,255
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	377,898,922,770	1,919,139,288,165
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20,259,389,101	236,554,921,090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	11,250,213,024	37,565,908,384
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	5,712,068,145	45,066,157,887
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,523,051,945	32,142,483,873
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13,798,410,805	152,907,062,252
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,999,123,175	76,147,609,335
11. Thu nhập khác	31	VI.07	2,634,324,402	2,847,629,995
12. Chi phí khác	32	VI.08	1,184,873,923	4,576,687,458
13. Lợi nhuận khác	40		1,449,450,479	(1,729,057,463)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,448,573,654	74,418,551,872
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1,650,110,000	15,706,795,747
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11,798,463,654	58,711,756,125

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An

Tổng Giám đốc




Nguyễn Đức Kiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

04. Cấu trúc doanh nghiệp

04.1 Thông tin về Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2016
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	83,00%
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%

04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2016
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	20,80%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	20,00%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	30,31%
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,45%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	46,00%
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	29,00%
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 49%.

Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 - CTCP, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 69,07%.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty như sau:

- Tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
- Tiền mặt	5,101,744,349	693,537,117
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	136,146,085,498	119,368,546,826
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	1,000,000,000	44,026,033,559
Cộng	142,247,829,847	164,088,117,502

02. Trình bày tại Sheet "ĐT Tài chính"**03. Phải thu khách hàng**

	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	992,694,631,227	1,103,608,018,747
- Công ty cổ phần xây dựng số 10 Thăng Long	36,619,430,293	36,225,031,992
- Công ty cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long	80,035,299,025	81,335,479,967
- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	47,774,751,266	47,362,444,954
- Công ty cổ phần xây dựng số 17 Thăng Long	31,644,627,997	31,301,850,569
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	796,620,522,646	907,383,211,265
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	992,694,631,227	1,103,608,018,747

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

08.b Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
- Mua sắm	-	-
- XDCB	1,850,707,012	1,850,707,012
+ Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1,850,707,012	1,850,707,012
+ Nhà văn phòng tại đường Phạm Văn Đồng	-	-
+ Chi phí xây dựng cơ bản khác	31,874,512	31,874,512
- Sửa chữa	-	-
Cộng	1,882,581,524	1,882,581,524

Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XDCB

13. Chi phí trả trước

	Ngày 31/03/2016	Ngày 01/01/2016
a. Ngắn hạn	1,382,526,083	583,450,489
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,382,526,083	583,450,489
b. Dài hạn	3,567,411,782	2,726,156,706
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	3,567,411,782	2,671,905,387
- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi Cổ phần Hóa	-	54,251,319
Cộng	4,949,937,865	3,309,607,195

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả**

	<u>Ngày 31/03/2016</u>	<u>Ngày 01/01/2016</u>
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	8,552,558,350	9,003,435,850
- Trích trước chi phí thi công công trình		677,379,970
- Chi phí lãi vay phải trả ODA	8,006,532,004	8,006,532,004
- Chi phí lãi vay	546,026,346	319,523,876
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	<u>8,552,558,350</u>	<u>9,003,435,850</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Ngày 31/03/2016</u>	<u>Ngày 01/01/2016</u>
a. Ngắn hạn	43,101,666,314	49,699,291,324
- Kinh phí công đoàn	-	325,338,035
- Bảo hiểm xã hội	-	5,189,776
- Bảo hiểm y tế	-	2,166,745
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	627,776
- Phải trả về cổ phần hóa	2,657,457,171	2,657,457,171
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40,444,209,143	46,708,511,821
+ Công ty TNHH BOT đường 188		9,490,397,776
+ Công ty TNHH Đầu tư dầu khí Hà Nội		1,200,000,000
+ Thu tiền bán vé Cầu Yên Lệnh		-
+ Đội thi công cầu		2,990,054,907
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long		899,645,763
+ Trả cổ tức cho các cổ đông Tổng Công ty		11,674,269,530
+ Các đối tượng khác	40,444,209,143	20,454,143,845
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>43,101,666,314</u>	<u>49,699,291,324</u>

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

04.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Ngày 31/03/2016</u>	<u>Ngày 01/01/2016</u>
	Giá trị	Giá trị
a. Ngắn hạn	52,871,347,977	67,099,505,499
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Tạm ứng	18,800,191,939	34,522,853,008
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	320,985,519	320,985,519
- Phải thu khác	33,750,170,519	32,255,666,972
+ Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân		2,664,280,015
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long		2,895,623,923
+ Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh		-
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài		-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4		531,465,692
- cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng		
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ		2,527,880,678
Lam		-
+ Ban quản lý dự án 6 gói thầu cầu Thắm		-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng và		1,035,000,000
Thương mại Phương Đông		
+ Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long		1,597,158,275
+ Ban điều hành gói 2 Nam Sơn - Châu Cầu		1,273,109,166
+ Các khoản phải thu khác	33,750,170,519	19,731,149,223
b. Dài hạn	-	-
Cộng	52,871,347,977	67,099,505,499

07. Hàng tồn kho

	<u>Ngày 31/03/2016</u>	<u>Ngày 01/01/2016</u>
	Giá gốc	Giá gốc
- Nguyên liệu, vật liệu	503,518,243	547,137,242
- Công cụ, dụng cụ	109,704,874	139,069,897
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	171,686,632,773	185,814,787,577
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	172,299,855,890	186,500,994,716

06. Phải trả người bán

	<u>Ngày 31/03/2016</u>	<u>Ngày 01/01/2016</u>
	Giá trị	Giá trị
a. Phải trả người bán ngắn hạn	437,271,511,399	500,272,595,083
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	32,146,780,335	72,077,714,367
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	25,463,501,285	48,724,722,194
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	16,042,266,977	40,860,663,419
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	363,618,962,802	338,609,495,103
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	437,271,511,399	500,272,595,083

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Doanh thu bán hàng		13,708,979,010
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		17,184,731,587
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	398,158,311,871	2,124,800,498,658
Cộng	<u>398,158,311,871</u>	<u>2,155,694,209,255</u>

03. Giá vốn hàng bán (Mã Số 11)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		12,845,081,117
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		12,290,668,256
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	377,898,922,770	1,894,003,538,792
Cộng	<u>377,898,922,770</u>	<u>1,919,139,288,165</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,736,213,024	20,163,390,498
- Lãi từ thoái vốn Công ty TLG 4 và Công ty CP Cầu 11		9,745,215,573
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7,514,000,000	7,142,004,588
- Lãi chênh lệch tỷ giá		515,297,725
Cộng	<u>11,250,213,024</u>	<u>37,565,908,384</u>

05. Chi phí tài chính (Mã số 22)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lãi tiền vay	5,712,068,145	32,142,483,873
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		27,479,855
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		12,896,194,159
Cộng	<u>5,712,068,145</u>	<u>45,066,157,887</u>

06. Thu nhập khác (Mã số 31)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-
- Giao khoán hệ nổi cho Công ty Cổ phần Cơ giới 6		631,818,182
- Thuế được giảm		638,651,071
- Các khoản khác	2,634,324,402	1,577,160,742
Cộng	<u>2,634,324,402</u>	<u>2,847,629,995</u>

08. Chi phí khác (Mã số 32)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1,353,068,180

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Kinh phí Xây dựng Cầu Cò Pha - Bắc	-	
- Kinh phí xây dựng Công viên tưởng niệm liệt sĩ bảo vệ cầu Rạch Chiếc	2,000,000,000	
- Lỗ do đánh giá lại tài sản	-	
- Các khoản bị phạt chậm nộp	510,125,466	
- Các khoản khác	1,184,873,923	713,493,812
Cộng	1,184,873,923	4,576,687,458

09. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	13,798,410,805	152,907,062,252
- Chi phí nhân viên quản lý	3,465,402,366	28,078,671,181
- Chi phí vật liệu quản lý	975,947,246	212,490,492
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	1,540,850,941
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,250,000,000	6,426,640,242
- Thuế, phí và lệ phí	-	4,196,998,233
- Chi phí dự phòng	-	82,388,291,128
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,873,746,726	25,585,435,611
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2,233,314,467	4,477,684,424
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	13,798,410,805	152,907,062,252

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		15,706,795,747
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	15,706,795,747

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	11,798,463,654	58,711,756,125
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11,798,463,654	58,711,756,125
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	41,853,700	41,908,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	1,401

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Quý I năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	11,798,463,654	58,711,756,125
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11,798,463,654	58,711,756,125

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý I năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15,259,697,532	219,641,010,913
- Chi phí nhân công	7,002,596,210	90,038,980,575
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,095,093,357	8,366,565,852
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	317,415,172,027	166,575,204,328
- Chi phí khác bằng tiền	9,087,243,634	33,416,425,989
- Chi phí thuê phụ	3,241,396,991	1,477,330,338,292
- Chi phí trích lập dự phòng	31,694,665,085	82,388,291,128
Cộng	384,795,864,838	2,077,756,817,077

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	43,099,237,212	61,443,315,772	9,962,998,043	3,002,208,652	117,507,759,679
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(8,430,255,826)	-	-	(8,430,255,826)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	43,099,237,212	53,013,059,946	9,962,998,043	3,002,208,652	109,077,503,853
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	29,087,515,454	52,707,403,643	7,468,445,109	2,372,946,290	91,636,310,496
- Khấu hao trong năm	505,621,617	603,042,114	199,163,257	69,781,424	1,377,608,412
- Điều chỉnh khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7,359,788,966)	-	-	(7,359,788,966)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	29,593,137,071	45,950,656,791	7,667,608,366	2,442,727,714	85,654,129,942
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	14,011,721,758	8,735,912,129	2,494,552,934	629,262,362	25,871,449,183
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	13,506,100,141	7,062,403,155	2,295,389,677	559,480,938	23,423,373,911

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
 72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Ngày 01/01/2016		Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016		Ngày 31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- <i>Vay ngân hàng</i>	180,074,798,442	180,074,798,442	35,862,147,167	88,700,000,000	127,236,945,609	127,236,945,609
- <i>Vay ngân hàng</i>	180,074,798,442	180,074,798,442	35,862,147,167	88,700,000,000	127,236,945,609	127,236,945,609
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	33,790,774,012	33,790,774,012		24,000,000,000	9,790,774,012	9,790,774,012
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Hà Nội	101,922,941,208	101,922,941,208	35,762,147,167	52,400,000,000	85,285,088,375	85,285,088,375
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	44,361,083,222	44,361,083,222		12,300,000,000	32,061,083,222	32,061,083,222
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	100,000,000	-	100,000,000	100,000,000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 5 năm						
- <i>Vay ngân hàng</i>	142,947,274,045	142,947,274,045	11,954,185,742	-	154,901,459,787	154,901,459,787
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long	142,947,274,045	142,947,274,045	11,954,185,742	-	154,901,459,787	154,901,459,787
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đống Đa	11,350,890,450	11,350,890,450			11,350,890,450	11,350,890,450
Cộng	323,022,072,487	323,022,072,487	47,816,332,909	88,700,000,000	282,138,405,396	282,138,405,396

Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

17. Đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 31/03/2016		Ngày 01/01/2016			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con	38,489,614,932	38,489,614,932	-	38,489,614,932	38,489,614,932	-
+ Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	33,058,000,000	33,058,000,000	-	33,058,000,000	33,058,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	5,431,614,932	5,431,614,932	-	5,431,614,932	5,431,614,932	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	192,858,298,448	175,213,281,172	(17,645,017,276)	192,858,298,448	175,213,281,172	(17,645,017,276)
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	2,260,302,971	-	(2,260,302,971)	2,260,302,971	-	(2,260,302,971)
+ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	1,807,850,307	1,807,850,307	-	1,807,850,307	1,807,850,307	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	1,608,700,818	1,608,700,818	-	1,608,700,818	1,608,700,818	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	3,553,096,801	3,553,096,801	-	3,553,096,801	3,553,096,801	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	20,160,000,000	15,619,241,211	(4,540,758,789)	20,160,000,000	15,619,241,211	(4,540,758,789)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	5,400,000,000	1,866,805,000	(3,533,195,000)	5,400,000,000	1,866,805,000	(3,533,195,000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	4,036,410,000	-	(4,036,410,000)	4,036,410,000	-	(4,036,410,000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Thăng Long	1,189,000,000	979,237,681	(209,762,319)	1,189,000,000	979,237,681	(209,762,319)
+ Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	109,644,000,000	109,644,000,000	-	109,644,000,000	109,644,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	3,064,588,197	-	(3,064,588,197)	3,064,588,197	-	(3,064,588,197)
+ Công ty Liên doanh Mit sui Thăng Long	27,797,662,360	27,797,662,360	-	27,797,662,360	27,797,662,360	-
+ Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	12,336,686,994	12,336,686,994	-	12,336,686,994	12,336,686,994	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	26,402,536,899	19,587,536,899	(6,815,000,000)	26,402,536,899	19,587,536,899	(6,815,000,000)
+ Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	6,815,000,000	-	(6,815,000,000)	6,815,000,000	-	(6,815,000,000)
+ Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	5,601,298,589	5,601,298,589	-	5,601,298,589	5,601,298,589	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	300,000,000	300,000,000	-	300,000,000	300,000,000	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	9,122,712,667	9,122,712,667	-	9,122,712,667	9,122,712,667	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	2,850,307,611	2,850,307,611	-	2,850,307,611	2,850,307,611	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	1,713,218,032	1,713,218,032	-	1,713,218,032	1,713,218,032	-
Cộng	257,750,450,279	233,290,433,003	(24,460,017,276)	257,750,450,279	233,290,433,003	(24,460,017,276)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Ngày 01/01/2016		Phát sinh 01/01/2016 đến 31/03/2016		Ngày 31/03/2016	
	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số tiền phải thu Nhà nước	Số tiền phải nộp Nhà nước
- Thuế GTGT đầu ra	-	7,228,823,742	874,241,415	874,241,415	-	7,228,823,742
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	176,046,113	38,302,183	-	137,743,930
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13,486,342,434	1,650,110,000	10,000,000,000	-	5,136,452,434
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1,047,569,266	1,400,000	405,970,040	-	642,999,226
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	154,836,000	-	-	447,187,416	602,023,416	-
- Các loại thuế khác	-	17,756,117	-	-	-	17,756,117
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	5,457,906,218	118,407,063	4,000,000	-	5,572,313,281
Cộng	154,836,000	27,238,397,777	2,820,204,591	11,769,701,054	602,023,416	18,736,088,730

2.4. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	419,080,000,000	52,625,676,545	(543,000,000)	10,340,893,154	58,711,756,125	540,215,325,824
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	419,080,000,000	52,625,676,545	(543,000,000)	10,340,893,154	58,711,756,125	540,215,325,824
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11,754,342,635	11,754,342,635
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	419,080,000,000	52,625,676,545	(543,000,000)	10,340,893,154	70,466,098,760	551,969,668,459

TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

10 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

30. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31/03/2016	Tỷ lệ
- Vốn góp của Nhà nước	105,000,000,000	25%
- Vốn góp của các đối tượng khác	314,080,000,000	75%
Cộng	419,080,000,000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Năm 2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Ngày 31/03/2016	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

f. Các quỹ của Công ty

	Ngày 31/03/2016	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	10,340,893,154	10,340,893,154
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	10,340,893,154	10,340,893,154

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng công ty.

Tổng công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tổng công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Tổng công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên